TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2018/TLSTHNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Ngô Thị Hồng M, sinh năm 1979– Có mặt.
  Trú tại: Số nhà 1, tổ dân phố 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
- ***Bị đơn:*** Anh Võ Văn Q, sinh năm 1975 – Có mặt.
  Trú tại: Số nhà 1, tổ dân phố 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng M trình bày có nội dung:

Chị Ngô Thị Hồng M và anh Võ Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/12/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Buôn Hồ, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk). Quá trình chung sống anh Q và chị M sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên vô cớ gây sự, chửi bới xúc phạm gia đình của chị M, chửi bới, xúc phạm con cái, thường xuyên đi

sớm về muộn, thỉnh thoảng lại cầm dao rượt đuổi và đòi chém chị M, mới đây nhất vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 22/10/2017 anh Q vô cớ chửi bới và cầm dao dọa chém chị M nên chị M đã về nhà cha mẹ đẻ sống cho đến nay, anh Q còn đe dọa sẽ giết hai đứa con nếu chúng kể cho người khác biết chuyện anh Q cầm dao đuổi chị M. Mâu thuẫn giữa anh Q và chị M còn xuất phát từ việc anh Q không bàn bạc với chị M chuyện làm ăn từ trước cho đến nay, không thực hiện trách nhiệm tài chính của người chồng với vợ và người cha đối với con. Quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn của giữa anh Q và chị M ngày càng trầm trọng, anh Q và chị M đã sống ly thân từ giữa năm 2015 đến nay. Chị M nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cả hai người, nguy hiểm đến tính mạng của chị M và ảnh hưởng đến tinh thần và việc học tập của các con. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị M và anh Q có 02 con chung là Võ Thị Thảo N, sinh ngày 24/9/2006 và Võ Thị Như Ng, sinh ngày 11/01/2014. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Như Ng, sinh ngày 11/01/2014 cho đến tuổi thành niên và giao cháu Võ Thị Thảo N, sinh ngày 24/9/2006 cho anh Q nuôi dưỡng, về cấp dưỡng chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M xác định tài sản chung của vợ chồng chỉ có 01 lô đất diện tích 100m^2, tọa lạc tại số 1, tổ dân phố 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE505369, trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 65 m^2, giá trị của khối tài sản chung nêu trên là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Quan điểm của chị M thống nhất được với anh Q là giao cho anh Q được toàn quyền sở hữu căn nhà và lô đất diện tích 100m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE505369, thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 06, do Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ cấp cho Võ Văn Q và Ngô Thị Hồng M vào ngày 29/3/2012, anh Q trả lại giá trị chênh lệch của khối tài sản chung là 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đề nghị Tòa án ghi nhận phần tài sản này cho chị M và anh Q.

Về công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn Q trình bày có nội dung:

Anh Q và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/12/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Buôn Hồ, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống anh Q, Chị M có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến việc chị M thường xuyên bỏ nhà đi để lại hai con nhỏ cho anh Q chăm sóc. Nay chị M xin ly hôn thì anh Q đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau vì mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Q và chị M có 02 con chung Võ Thị Thảo N, sinh ngày 24/9/2006 và Võ Thị Như Ng, sinh ngày 11/01/2014. Nguyện vọng của anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Như Ng, sinh ngày 11/01/2014 cho đến tuổi thành niên, giao con chung Võ Thị Thảo N, sinh ngày 24/9/2006 cho chị M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Q cũng xác định tài sản chung của vợ chồng là 01 lô đất diện tích 100 m^2, tọa lạc tại số 1, tổ dân phố 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 505369, trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 65 m^2, giá trị của khối tài sản chung nêu trên là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Do ngôi nhà có nhiều kỷ niệm đối với anh Q nên anh Q và chị M thỏa thuận là anh Q nhận quản lý, sử dụng tài sản chung nêu trên và trả cho chị M giá trị chênh lệch là 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đề nghị Tòa án ghi nhận phần tài sản chung cho anh với chị M.

Về công nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở xem xét những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị M. Về con chung: Giao con chung Võ Thị Như Ng cho chị Ngô Thị Hồng M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên; giao con chung Võ Thị Thảo N cho anh Võ Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q và chị M không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho anh Q được toàn quyền sở hữu căn nhà và lô đất diện tích 100m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE505369, thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 06, do Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ cấp cho Võ Văn Q và Ngô Thị Hồng M vào ngày 29/3/2012, anh Q có trách nhiệm trả cho chị M 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) giá trị chênh lệch của tài sản.

Về công nợ chung: Anh Q và chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* giữa chị Ngô Thị Hồng M và anh Võ Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Hồng M và anh Võ Văn Q được xác lập vào ngày 26/12/2005 tại UBND thị trấn Buôn Hồ, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường An Lạc) thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Q là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì anh Q và chị M sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q và chị M không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã lẫn nhau, ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q và chị M đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay chị M xin được ly hôn với anh Q là có căn cứ, mặt khác anh Q cũng chấp nhận thuận tình ly hôn với chị M là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh Q và chị M có 02 con chung Võ Thị Thảo N, sinh ngày 24/9/2006 và Võ Thị Như Ng, sinh ngày 11/01/2014. Xét nguyện vọng của cả anh Q và chị M đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Thị Như Ng cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại cháu Ng còn nhỏ và để đảm bảo cho cháu có điều kiện được nuôi dưỡng và trưởng thành về mọi mặt, nên cần giao cháu Ng cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp. Mặt khác, xét nguyện vọng của cháu Võ Thị Thảo N là muốn được sống cùng với bố, nên cần giao cháu N cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Q và chị M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Q và chị M tự nguyện thống nhất, thỏa thuận: có 01 lô đất diện tích 100m^2, tọa lạc tại số 1, tổ dân phố 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 65 m^2, giá trị của khối tài sản chung nêu trên là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); giao cho anh Q được toàn quyền sở hữu căn nhà diện tích 65 m^2 xây dựng trên diện tích đất 100m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE505369, thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 06, do Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ cấp cho Võ Văn Q và Ngô Thị Hồng M vào ngày 29/3/2012. Anh Q có trách nhiệm trả cho chị M 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) giá trị chênh lệch của tài sản. Xét việc thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Võ Văn Q có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động về đất đai mang tên anh Võ Văn Q theo Luật

đất đai hiện hành.

Về công nợ chung: anh Q và chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000đ chị M tự nguyện chịu số tiền này (ghi nhận chị M đã nộp và chi phí xong).

[6] Về án phí:

[6.1] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị Hồng M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003945 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Võ Văn Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6.2] Về án phí dân sự: Xét việc chị M và anh Q đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận nên chị M và anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Hồng M và anh Võ Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Thị Như Ng, sinh ngày 11/01/2014 cho chị Ngô Thị Hồng M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên; giao con chung là cháu Võ Thị Thảo N cho anh Võ Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q và chị M không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Anh Q và chị M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Ngô Thị Hồng M và anh Võ Văn Q như sau: Anh Võ Văn Q được toàn quyền sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 65 m^2 được xây dựng trên diện tích đất 100m^2 theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số BE505369, thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 06, do Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ cấp cho Võ Văn Q và Ngô Thị Hồng M vào ngày 29/3/2012. Anh Võ Văn Q có trách nhiệm trả cho chị M 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) giá trị chênh lệch của tài sản.

Anh Võ Văn Q có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động về đất đai mang tên anh Võ Văn Q theo Luật đất đai hiện hành.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án dân sự.

4. Về nợ chung: Anh Q và chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000đ chị M tự nguyện chịu số tiền này (ghi nhận chị M đã nộp và chi phí xong).

6. Về án phí: Chị Ngô Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003945 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Võ Văn Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Ngô Thị Hồng M và anh Võ Văn Q không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại các Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Đức